

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn ông Trần Hậu V, bà Phan Thị Đ và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Huy H trình bày:**

Do có quan hệ quen biết nên vợ chồng ông Trần Hậu V và Phan Thị Đ cho bà Nguyễn Thị N vay tổng số tiền là 118.900.000 đồng, cụ thể:

Ngày 26/01/2019 dương lịch ông V, bà Đ cho bà N vay số tiền 13.800.000đ (Mười ba triệu tám trăm ngàn đồng). Khi vay số tiền trên các bên thống nhất bằng miệng lãi suất là 2%/tháng và bà N cam kết sẽ trả cả gốc lẫn lãi cho ông V, bà Đ chậm nhất vào ngày 20/02/2019 dương lịch.

Ngày 26/12/2018 âm lịch (Tức ngày 31/01/2019 dương lịch) ông V, bà Đ cho bà N vay số tiền 73.100.000đ (Bảy mươi ba triệu một trăm ngàn đồng). Khi vay số tiền trên các bên thống nhất lãi suất là 1,5%/tháng. Bà N hẹn đến ngày 20/12/2019 sẽ trả đủ cả gốc, lãi cho ông V, bà Đ.

Ngày 06/4/2019 (dương lịch), ông V, bà Đ tiếp tục cho bà N vay số tiền 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng). Khi vay số tiền trên các bên thống nhất lãi suất là 1,5%/tháng. Bà N hẹn đến ngày 20/11/2019 sẽ trả đủ cả gốc, lãi cho ông V và bà Đ.

Nay ông V và bà N yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải trả tổng số tiền 148.628.000đ (Một trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn đồng). Trong đó, tiền gốc: 118.900.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày khởi kiện (Ngày 08/7/2020) là 29.728.000 đồng (Lãi khoản vay 13.800.000đ từ ngày 26/01/2019 đến 08/7/2020 x 1,5%/tháng = 3.600.000đ; lãi khoản vay 73.100.000đ từ ngày 31/01/2019 đến ngày 08/7/2020 x 1,5%/tháng = 18.896.000 đồng; Lãi của khoản vay 32.000.000đ từ ngày 06/4/2019 đến 08/7/2020 X 1,5%/tháng = 7.232.000đ), đồng thời yêu cầu buộc bà N tiếp tục phải chịu lãi suất 1,5%/tháng đối với số nợ gốc, kể từ ngày 09/7/2020 cho đến khi trả xong nợ.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:** Bà N thừa nhận đã 03 lần ký vay và nhận tổng số tiền của ông Trần Hậu V và bà Phan Thị Đ là 118.900.000 đồng, cụ thể: Ngày 26/01/2019 dương lịch ký vay số tiền 13.800.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm ngàn đồng). Ngày 26/12/2018 âm lịch (Tức ngày 31/01/2019 dương lịch) bà ký vay của ông V, bà Đ số tiền 73.100.000 đồng (Bảy mươi ba triệu một trăm ngàn đồng). Ngày 06/4/2019 (dương lịch), bà tiếp tục ký vay của ông V, bà Đ số tiền 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng). Tuy nhiên, bà không phải là người vay tiền ông V, bà Đ, mà khoản nợ này là do con bà vay, nhưng ông V và bà Đ yêu cầu bà ký nhận. Còn số lượng nợ cụ thể thì bà không nắm được. Theo bà biết thì khoản nợ mà bà ký nhận không phải là nợ gốc, mà là bao gồm cả nợ gốc và tiền lãi cộng gộp rồi yêu cầu bà ký nhận. Nội dung giấy nợ mà bà đã ký thì bà không nhớ cụ thể. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hiện nay bà chấp nhận trả nợ cho ông V và bà Đ, tuy nhiên bà yêu cầu tính toán lại phần tiền lãi trong tổng số tiền nợ mà bà đã ký.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hậu V và bà Phan Thị Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Trần Hậu V và bà Phan Thị Đ số tiền 153.146.200đ (Một trăm năm mươi ba triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn hai trăm đồng). Trong đó: Nợ gốc là 118.900.000đ, tiền lãi tính đến ngày xét xử (25/9/2020) là 34.246.200đ. Bà Nguyễn Thị N tiếp tục phải chịu lãi suất 1,5%/tháng đối với số tiền 118.900.000đ, kể từ ngày 26/9/2020 cho đến khi trả xong nợ.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/10/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm với lý do Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng lý do không triệu tập người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vào tham gia để làm rõ sự thật vụ án. Phía nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ biên nhận tiền của bị đơn và Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ nội dung này. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà trả số tiền 153.146.200đ là không đúng sự thật của vụ án.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị N là không có căn cứ. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn tạm ứng án phí nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Vì vậy, vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn về việc không triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tham gia để làm rõ sự thật vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông V bà Đ đã giao nộp giấy vay tiền thể hiện bà Nguyễn Thị N là người vay ký tên, ngoài ra không thể hiện người làm chứng hoặc ai khác cùng tham gia. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã yêu cầu bà N cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc bà N không trực tiếp vay mà do con bà là anh Lương Văn C vay và bà ký để chịu trách nhiệm trả nợ thay cho con mình. Đồng thời, tại văn bản “Đơn xin chứng thực” đề ngày 10/8/2020 của ông Lương Văn C chỉ thể hiện anh C nhờ ông Nguyễn Trọng L chốt cả ở Đại lý Đương V, không thể hiện có liên quan đến các lần vay tiền của bà N và cũng không thể hiện việc bà N đứng ra nhận nợ thay cho ông C theo các lần vay tiền do nguyên đơn cung cấp. Do vậy, Tòa cấp sơ thẩm không đưa anh C và ông L vào tham gia tố tụng trong vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn cho rằng thời gian xét xử không đảm bảo đúng quy định, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn, HĐXX thấy rằng: Tại Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐST-DS ngày 14/9/2020 thể hiện, thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 25/9/2020. Bị đơn cho rằng bà đến muộn 20 phút so với giấy báo (tức 13 giờ 50 phút) nhưng phiên tòa đã kết thúc. Tuy nhiên, tại biên bản phiên tòa đề ngày 25/9/2020 thể hiện thời gian diễn ra phiên tòa từ 13 giờ 45 phút đến 14 giờ 45 phút. Bị đơn cho rằng phiên tòa diễn ra trong 20 phút nhưng không có tài liệu gì chứng minh. Vì vậy, nội dung kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà phải trả số tiền 153.146.200 đồng trong đó tiền gốc 118.900.000 đồng và 34.246.200 đồng tiền lãi là không đúng sự thật của vụ án và đề nghị cung cấp chứng cứ biên nhận tiền của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình khởi kiện, nguyên đơn cung cấp Giấy vay tiền, thể hiện cả ba lần vay tiền vào các ngày: 26/01/2019 dương lịch, ngày 26/12/2018 âm lịch (tức ngày 31/01/2019 dương lịch) và ngày 06/4/2019 dương lịch bà Nguyễn Thị N đều là người ký xác nhận có nợ tiền ông V bà Đ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà

Nguyễn Thị N đều thừa nhận 03 lần ký nhận vay tiền của ông Trần Hậu V và bà Phan Thị Đ tổng số tiền 118.900.000đ, đều là chữ viết và chữ ký của bà N. Tại cấp phúc thẩm, bà N cũng thừa nhận có ký xác nhận nợ nhưng không đưa ra các tài liệu chứng cứ về việc khoản tiền trên là bao gồm cả nợ gốc và nợ lãi, đồng thời cũng là số nợ mà bà nhận thay cho con trai bà là ông Lương Văn C. Vì vậy, tòa cấp sơ thẩm buộc bà N phải trả cho vợ chồng ông V và Đ số tiền gốc 118.900.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất đối với cả ba khoản vay là 1,5%/tháng phù hợp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi theo mức 1,5%/tháng đối với ba khoản tiền mà bà N vay của ông V, bà Đ với số tiền 34.246.200 đồng là đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N là không có căn cứ chấp nhận nên cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị N là phù hợp.

- Hoàn trả cho ông Trần Hậu V và bà Phan Thị Đ 3.715.000đ (Ba triệu bảy trăm mười lăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2019/0009186 ngày 10/6/2020 và biên lai số AA/2019/0009260 ngày 15/7/2020.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466, 468 và 470 BLDS năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hậu V và bà Phan Thị Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Trần Hậu V và bà Phan Thị Đ số tiền 153.146.200đ (Một trăm năm mươi ba triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn hai trăm

đồng). Trong đó: Nợ gốc là 118.900.000đ, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2020) là 34.246.200đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1,5%/tháng.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Hậu V và bà Phan Thị Đ 3.715.000đ (Ba triệu bảy trăm mười lăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2019/0009186 ngày 10/6/2020 và biên lai số AA/2019/0009260 ngày 15/7/2020.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng